



UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKI

KHỐI 8

Họ và tên:.....

Lớp:

Năm học 2024-2025



MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

A. LÝ THUYẾT: Học sinh ôn các nội dung sau:

I. KHTN1:

- Lực đẩy Archimedes.
- Tác dụng làm quay của lực - Mô men lực.
- Đòn bẩy và ứng dụng.

II. KHTN2:

- Dung dịch và nồng độ.
- Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học.
- Tính theo phương trình hóa học.

III. KHTN3:

- Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

KHTN 1 (Phân môn Vật Lý)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Mômen lực tác dụng lên vật là đại lượng

- A. đặc trưng cho tác dụng làm quay vật của lực.
- C. để xác định độ lớn của lực tác dụng.

B. vectơ.

D. luôn có giá trị dương.

Câu 2. Cánh tay đòn của lực bằng

- A. khoảng cách từ trục quay đến điểm đặt của lực.
- B. khoảng cách từ trục quay đến trọng tâm của vật.
- C. khoảng cách từ trục quay đến giá của lực.
- D. khoảng cách từ trọng tâm của vật đến giá của trục quay.

Câu 3. Trong các dụng cụ sau đây, dụng cụ nào là đòn bẩy?

- A. Cái cầu thang gác.
- B. Mái chèo.
- C. Thùng đựng nước.
- D. Quyển sách nằm trên bàn.

Câu 4. Một thỏi sắt và một thỏi đồng có thể tích bằng nhau cùng được nhúng chìm trong nước. Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Hai thỏi sắt và đồng đều chịu tác dụng của lực đẩy Acsimet như nhau vì chúng cùng được nhúng trong nước như nhau.
- B. Thỏi nào nằm sâu hơn thì lực đẩy Acsimet tác dụng lên thỏi đó lớn hơn.
- C. Hai thỏi sắt và đồng đều chịu tác dụng của lực đẩy Acsimet như nhau vì chúng chiếm thể tích trong nước như nhau.

D. Đồng có trọng lượng riêng lớn hơn sắt nên thời đồng chịu tác dụng của lực đẩy Acsimet lớn hơn.

Câu 5. Dụng cụ nào sau đây không phải là ứng dụng của đòn bẩy?

- A. Cái kéo. B. Cái kìm. C. Cái cưa. D. Cái mở nút chai.

Câu 6. Ba vật khác nhau đồng, sắt, nhôm có khối lượng bằng nhau, khi nhúng vật ngập trong nước thì lực đẩy của nước tác dụng vào vật nào là lớn nhất, bé nhất? Hãy chọn thứ tự đúng về lực đẩy Ac-si-met từ lớn nhất đến bé nhất biết khối lượng riêng của đồng là 8900kg/m^3 , sắt là 7800kg/m^3 , nhôm là 2700kg/m^3 .

- A. Nhôm - sắt - đồng. B. Sắt - nhôm - đồng.
C. Nhôm - đồng - sắt. D. Đồng - nhôm - sắt.

Câu 7. Quan sát dao cắt giấy ở một cửa hiệu photocopy, ba bạn Bình, Lan, Chi phát biểu:

Bình: Chi là dao bình thường, không ứng dụng bất kỳ máy cơ đơn giản nào.

Lan: Ứng dụng của đòn bẩy loại 1.

Chi: Ứng dụng của đòn bẩy loại 2.

- A. Chỉ có Bình đúng. B. Chỉ có Lan đúng. C. Chỉ có Chi đúng. D. Cả 3 bạn đều sai.

Câu 8. Quan sát các hình vẽ sau đây và chọn câu trả lời đúng.



- (a) (b) (c) (d)
- A. Chỉ có hình (b) là đòn bẩy loại I. B. Chỉ có hình (a) và (c) là đòn bẩy loại II.
C. Các hình (a), (b), (d) là đòn bẩy loại III. D. Hình (b), (c), (d) là đòn bẩy loại I.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 9. Cho hình vẽ sau		
a. Điểm tựa đặt tại vị trí C		
b. Vị trí đặt vật tại A		
c. Đây là đòn bẩy loại 1		

d. Muốn nâng được vật nên nhẹ nhàng hơn ta giảm độ lớn của cách tay đòn BC		
Câu 10. Cho hình vẽ sau:		
a. Điểm tựa đặt tại vị trí A		
b. Vị trí đặt vật tại C		
c. Đây là đòn bẩy loại II		
d. Sử dụng đòn bẩy này cho ta lợi về lực.		

Phần III. Tự luận.

Câu 11. Một vật được móc vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ 4800 mN. Khi vật chìm trong nước, lực kế chỉ 3,6 N. Biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 N/m^3 . Bỏ qua lực đẩy Acsimet của không khí.

- Đổi đơn vị 4800 mN = ? N
- Trọng lượng của vật có giá trị là bao nhiêu?
- Lực đẩy Archimedes có giá trị là bao nhiêu?
- Tính thể tích của vật nặng?

Câu 12. Một vật bằng kim loại chìm trong bình chứa nước thì nước trong bình dâng lên thêm 100 cm^3 . Nếu treo vật vào một lực kế thì nó chỉ 7,8N. Cho trọng lượng riêng của nước là 10.000 N/m^3 .

- Thể tích của vật là bao nhiêu m^3 ?
- Trọng lượng của vật là bao nhiêu niuton?
- Lực đẩy Acsimet tác dụng lên vật bao nhiêu niuton?
- Trọng lượng riêng của vật là? N/m^3

KHTN 2 (Phân môn Hóa)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Một lá sắt (iron) nặng 28 gam để ngoài không khí, xảy ra phản ứng với oxygen, tạo ra gỉ sắt. Sau một thời gian, cân lại lá sắt, thấy khối lượng thu được là 31,2 gam. Khối lượng khí oxygen đã phản ứng là

- A. 3,2 g. B. 1,6 g. C. 6,4 g. D. 24,8 g.

Câu 2. Đốt cháy hoàn toàn 0,384 gam magnesium trong khí oxygen, thu được 0,64 gam magnesium oxide. Có bao nhiêu gam oxygen đã tham gia phản ứng?

A. 0,64 gam. B. 0,256 gam. C. 0,32 gam. D. 0,512 gam.

Câu 3. Dung dịch là hỗn hợp

- A. của chất rắn trong chất lỏng. B. của chất khí trong chất lỏng.
C. đồng nhất của chất rắn và dung môi. D. đồng nhất của dung môi và chất tan.

Câu 4. Trộn 1 mL ethanol (cồn) với 10 mL nước cất. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Chất tan là ethanol, dung môi là nước.
B. Chất tan là nước, dung môi là ethanol.
C. Nước hoặc ethanol có thể là chất tan hoặc là dung môi.
D. Hỗn hợp ethanol và nước cất không tạo thành dung dịch.

Câu 5. Độ tan của một chất trong nước ở nhiệt độ xác định là

- A. Số gam chất đó có thể tan trong 100 gam dung dịch
B. Số gam chất đó có thể tan trong 100 gam nước.
C. Số gam chất đó có thể tan trong 100 gam dung môi để tạo thành dung dịch bão hòa.
D. Số gam chất đó có thể tan trong 100 gam nước để tạo thành dung dịch bão hòa.

Câu 6. Nồng độ phần trăm là nồng độ cho biết

- A. Số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.
B. Số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch bão hòa.
C. Số gam chất tan có trong 100 gam nước.
D. Số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch.

Câu 7. Nồng độ mol/L của dung dịch là:

- A. Số gam chất tan trong 1 lít dung dịch. B. Số gam chất tan trong 1 lít dung môi.
C. Số mol chất tan trong 1 lít dung dịch. D. Số mol chất tan trong 1 lít dung môi.

Câu 8. Ở 20°C 45 gam muối K_2CO_3 hòa tan hết trong 150 gam nước thì dung dịch bão hòa. Độ tan của K_2CO_3 ở nhiệt độ này là

- A. 20 gam. B. 30 gam. C. 45 gam. D. 12 gam.

Câu 9. Trong một phản ứng hóa học

- A. số nguyên tử của mỗi nguyên tố được bảo toàn. B. số nguyên tử trong mỗi chất được bảo toàn.
C. số phân tử của mỗi chất không đổi. D. số chất không đổi.

Câu 10. Khối lượng $CuSO_4$ có trong 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 0,5M là

- A. 80 gam. B. 160 gam. C. 16 gam. D. 8 gam.

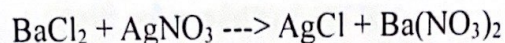
Câu 11. Khối lượng NaOH có trong 300 ml dung dịch nồng độ 0,15M là

- A. 1,8 g. B. 0,045 g. C. 4,5 g. D. 0,125 g.

Câu 12. Khối lượng H_2O_2 có trong 30 gam dung dịch nồng độ 3% là

- A. 10 g. B. 3 g. C. 0,9 g. D. 0,1 g.

Câu 13. Cho sơ đồ phản ứng hóa học sau:



Tỉ lệ số phân tử của các chất trong phản ứng là

A. 1:1:1:1.

B. 1:1:2:1.

C. 1:2:1:2.

D. 1:2:2:1.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 14. Độ tan của muối ăn ở 25 độ C là 36 gam.		
a. Ở 25°C, 36 gam muối ăn hòa tan trong 100 gam nước tạo dung dịch bão hòa.		
b. Ở nhiệt độ này nếu cho 40 gam muối ăn vào 100g nước thì dung dịch thu được là dung dịch chưa bão hòa.		
c. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa khối lượng chất tan bằng nhau.		
d. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng thể tích, cùng nồng độ mol thì chứa số mol chất tan bằng nhau.		
e. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì chứa khối lượng đường và muối ăn bằng nhau.		
f. Hai dung dịch đường và muối ăn có cùng khối lượng, cùng nồng độ phần trăm thì số mol đường và muối ăn bằng nhau.		

Phần III. Tự luận.

Câu 15. Cho 5,6 gam Fe tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư, thu được muối FeCl₂ và khí H₂.

- Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
- Cho biết tỉ lệ số mol giữa các chất trong phản ứng.
- Tính thể tích khí H₂ ở 25°C, 1 bar.
- Tính nồng độ phần trăm của 36,5 gam dung dịch HCl phản ứng.

Câu 16. Cho 13 gam Zn tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư, thu được muối ZnCl₂ và khí H₂.

- Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
- Cho biết tỉ lệ số mol giữa các chất trong phản ứng.
- Tính thể tích khí H₂ ở 25°C, 1 bar.
- Tính nồng độ phần trăm của 58,4 gam dung dịch HCl phản ứng.

KHTN 3 (Phân môn Sinh)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Máu bao gồm

- A. hồng cầu và tiểu cầu. B. huyết tương và các tế bào máu.
C. bạch cầu và hồng cầu. D. hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

Câu 2. Thành phần chiếm tỉ lệ cao nhất trong máu là

- A. Tiểu cầu B. Huyết tương C. Bạch cầu D. Hồng cầu

Câu 3. Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virus thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó, chúng sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của loại tế bào nào?

- A. Bạch cầu trung tính B. Bạch cầu lympho B
C. Bạch cầu lympho T D. Bạch cầu ưa kiềm

Câu 4. Giả sử một người bệnh có nhóm máu B cần được truyền máu, người này có thể nhận những nhóm máu nào?

- A. B và AB B. B và O C. A, B và AB D. B và A

Câu 5. Bệnh xơ vữa động mạch có mối liên hệ mật thiết với loại lipid nào?

- A. Phospholipid. B. Estrogen C. Cholesterol D. Testosterone

Câu 6. Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

- A. chất kháng sinh. B. kháng thể. C. kháng nguyên. D. prôtêin độc.

Câu 7. Loại thức ăn dễ gây bệnh tim mạch là gì?

- A. Vitamim. B. Chất xơ C. Mỡ động vật D. Chất khoáng

Câu 8. Tăng huyết áp gây ra hậu quả gì?

- A. Suy tim, nhồi máu cơ tim, dễ đột quy... B. Da vàng, bụng to, chóng mặt...
C. Suy thận, vàng da... D. Mờ mắt, chóng mặt, đau ngực...

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 9. Trong máu và hệ tuần hoàn của máu		
a, Hệ nhóm máu phổ biến nhất là hệ nhóm máu ABO gồm bốn nhóm máu A, B, AB, O.		
b, Thiếu máu dễ gây ra tình trạng suy tim, nhồi máu cơ tim, nguy hiểm hơn có thể dẫn đến đột quy		
c, Trong vaccine chứa kháng thể, giúp kích thích bạch cầu sản sinh kháng thể đó.		

d, Trên bề mặt hồng cầu của nhóm máu AB có cả kháng nguyên A và B nên có thể truyền máu mang kháng nguyên A cho nhóm máu O		
e, Những người có khẩu phần ăn thiếu sắt, folic acid, vitamin B12 thường dẫn đến bệnh xơ vữa động mạch.		
f, Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng, không sử dụng rượu bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn, ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega-3, đảm bảo môi trường sống sạch sẽ, tiêu diệt các tác nhân truyền bệnh qua đường máu như muỗi vằn, muỗi Anopheles		

Phần III. Tự luận.

Câu 10.

- Nêu cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn.
 - Kháng nguyên, kháng thể là gì?
 - Người bị sốt xuất huyết có thể bị giảm tiểu cầu nghiêm trọng. Điều gì xảy ra nếu cơ thể thiếu tiểu cầu .
 - Giải thích người sống trong môi trường chứa nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có cơ thể sống khỏe mạnh.
 - Viết sơ đồ truyền máu.
-

MÔN TOÁN

A. Lý thuyết

I. Đại số:

- Các phép toán với đa thức nhiều biến: cộng, trừ, nhân, chia đơn thức, đa thức nhiều biến
- Hằng đẳng thức đáng nhớ và vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử
- Các phép toán với phân thức đại số: cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số
- Định nghĩa hàm số và giá trị của hàm số

II. Hình học:

- Hình học trực quan: diện tích xung quanh, thể tích của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều
- Định lý Pythagore
- Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết của các tứ giác đặc biệt (hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi)

B. Bài tập

I. Trắc nghiệm tham khảo:

Câu 1. Kết quả của phép tính $2x.(4x - 3y)$ là

- A. $8x^2 - 3y$ B. $8x^2 + 3y$ C. $8x^2 + 6xy$ D. $8x^2 - 6xy$

Câu 2. Thương của phép chia đơn thức $-16x^4y^5z^6$ cho đơn thức $8x^3y^2$ là

- A. $2xy^3z^6$ B. $-2xy^3z^6$ C. $\frac{1}{2}xy^3z^6$ D. $-2xy^2z^6$

Câu 3. Kết quả của phép chia $(x^2y^3 + x^3y^2 - x^3y^3) : (x^2y^2)$ là

- A. $y - x - xy$ B. $y^2 + x - xy$ C. $y + x - xy$ D. $y + x^2 - xy$

Câu 4. Phân tích đa thức $36 - (x - 2)^2$ được kết quả

- A. $6(x - 2)$ B. $(8 + x)(4 - x)$ C. $(4 + x)(8 - x)$ D. $(4 - x)(8 + x)$

Câu 5. Chọn câu sai:

- A. $x^2 - 6x + 9 = (x - 3)^2$ B. $4x^2 - 4xy + y^2 = (2x - y)^2$
C. $x^2 + x + \frac{1}{4} = \left(x + \frac{1}{2}\right)^2$ D. $-x^2 - 2xy - y^2 = -(x - y)^2$

Câu 6. Giá trị của biểu thức $A = \frac{1}{2x+3}$ tại $x = -1$ bằng:

- A. $A = 1$ B. $A = -1$ C. $A = \frac{1}{5}$ D. $A = -\frac{1}{5}$

Câu 7. Kết quả rút gọn phân thức $B = \frac{2x}{3x^2}$ bằng

A. $B = \frac{2}{3x}$

B. $B = \frac{2x}{3x}$

C. $B = \frac{2}{3x^2}$

D. $B = \frac{2x}{3x^2}$

Câu 8. Phân thức $\frac{6x+2y}{9x^2-y^2}$ có kết quả rút gọn là

A. $\frac{2+y}{3x+y}$

B. $\frac{2}{3x-1}$

C. $\frac{2}{3x+1}$

D. $\frac{2}{3x-y}$

Câu 9. Phân thức $\frac{5x-1}{x^2-4}$ xác định khi

A. $x \neq 2$

B. $x^2 - 4 \neq 0$

C. $x \neq -2$

D. $x^2 - 4 = 0$

Câu 10. Kết quả của phép tính $\frac{3x}{x+1} - \frac{2x}{x+1}$ bằng

A. $\frac{5x}{x+1}$

B. $\frac{6x^2}{x+1}$

C. $\frac{x}{x+1}$

D. $\frac{-x}{x+1}$

Câu 11. Kết quả của phép tính $\frac{2x}{xy^2} \cdot \frac{3y}{5x}$ bằng

A. $\frac{6xy}{5xy^2}$

B. $\frac{6}{5x^2y^2}$

C. $\frac{6}{5x}$

D. $\frac{6}{5xy}$

Câu 12. Kết quả của phép tính $\frac{x}{y} : \frac{2x}{y}$ bằng

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{2y}$

C. $\frac{2x}{y^2}$

D. $\frac{2x^2}{y^2}$

Câu 13: Hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều có các mặt bên đều là các hình gì ?

A. Tam giác

B. Tam giác cân

C. Tam giác vuông

D. Tam giác đều

Câu 14. Một khối gỗ trang trí có dạng hình chóp tam giác đều. Biết diện tích đáy của khối gỗ bằng 42 cm^2 , thể tích của khối gỗ bằng 84 cm^3 , chiều cao của khối gỗ bằng:

A. 2 cm

B. 4 cm

C. 6 cm

D. 12 cm

Câu 15. Tổng các góc của một tứ giác bằng bao nhiêu?

A. 90°

B. 180°

C. 260°

D. 360°

Câu 16. Bộ độ dài ba cạnh nào dưới đây là ba cạnh của tam giác vuông

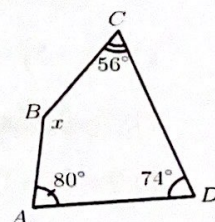
A. 6 cm, 6 cm, 6 cm

B. 8 cm, 9 cm, 10 cm

C. 2 cm, 2 cm, $2\sqrt{2}$ cm

D. 1 cm, 3 cm, 5 cm

Câu 17. Cho hình vẽ dưới đây, tìm số đo x :



A. 150°

B. 124°

C. 100°

D. 106°

Câu 18. Nếu $\triangle MNP$ vuông tại M thì:

A. $MN^2 + NP^2 = MP^2$

B. $MP^2 + NP^2 = MN^2$

C. $MN^2 + MP^2 = NP^2$

D. $MN^2 - NP^2 = MP^2$

Câu 19. Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có $AB = 11$, $AC = 12$, BC có độ dài bằng:

A. 13

B. 23

C. 265

D. $\sqrt{265}$

Câu 20. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Tứ giác có hai đường chéo... là hình thoi.”

A. bằng nhau

B. giao nhau tại trung điểm của mỗi đường và vuông góc với nhau.

C. giao nhau tại trung điểm mỗi đường.

D. bằng nhau và giao nhau tại trung điểm mỗi đường.

Câu 21. Hình bình hành cần thêm yếu tố nào để trở thành hình chữ nhật?

A. Hai cạnh bên bằng nhau

B. Hai đường chéo vuông góc

C. Có một góc vuông

D. Một đường chéo là tia phân giác của một góc

Câu 22. Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 8\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$, AC cắt BD tại O. Khi đó AO bằng:

A. 10 cm

B. 5 cm

C. $2\sqrt{7}\text{ cm}$

D. $\sqrt{7}\text{ cm}$

Câu 23. Chọn phát biểu sai.

A. Hình chữ nhật có hai cạnh đối bằng nhau là hình vuông.

B. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc là hình vuông.

C. Hình chữ nhật có một đường chéo là đường phân giác của một góc là hình vuông.

D. Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông.

II. Bài tập tự luận tham khảo:

Bài 1. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử.

a) $x^2 - 3x$

b) $12x^3 - 12x^2 + 3x$

c) $5x^2(x - 2y) - 15xy(x - 2y)$

d) $10x(x - y) - 3(y - x)$

e) $5x(x - 200) - x + 200$

f) $x^2 - 36$

g) $36x^2 - 12xy + y^2$

h) $(5x - y)^2 - 9x^2$

i) $8x^3 - 27$

k) $x^2 - 2xy - 4z^2 + y^2$

l) $3x^2 - 3xy - 5x + 5y$

Bài 2. Tìm x:

a) $3x(x - 5) - x(3x - 7) = 16$

b) $(x + 3)(4 - x) + (x - 1)(x + 1) = 10$

c) $x(x - 5) - (x - 3)^2 = 0$

d) $(2x - 1)^2 - 25 = 0$

e) $x^3 - 0,25x = 0$

e) $(2x - 1)^2 - (x + 3)^2 = 0$

f) $9x^2(x + 1) - 4(x + 1) = 0$

g) $x^3 - 3x^2 - 4x + 12 = 0$

Bài 3. Cho hàm số $y = f(x) = 2x^2 - 3$. Tính $f(1); f(-2); f\left(\frac{1}{4}\right)$.

Bài 4. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{4x-3}{10x^2y} + \frac{x+3}{10x^2y}$

b) $\frac{4x-1}{3x^2y} - \frac{7x-1}{3x^2y}$

$$c) \frac{2x-7}{10x-4} - \frac{3x+5}{4-10x}$$

$$d) \frac{x^2 - 2x + 1}{x^2 - 4} \cdot \frac{x^2 + 2x}{x - 1}$$

$$e) \frac{x^2 - 4}{x^2 - x} : \frac{x^2 + 2x}{x - 1}$$

$$f) \frac{4x-24}{5x+5} : \frac{x^2-36}{x^2+2x+1}$$

$$\text{g) } \frac{4}{x+2} - \frac{3}{x-2} + \frac{12}{x^2-4}$$

h) $\frac{x}{2x-2} + \frac{3x}{2x+2} - \frac{2x^2}{x^2-1}$

i) $\left(\frac{4}{x-2} - \frac{3}{x+2} \right) : \frac{x+14}{x^2}$

Bài 5. Cho biểu thức: $A = \left[\frac{x}{x+2} + \frac{4x+4}{x(x+2)} \right] : \frac{x+2}{2} \quad (x \neq 0; x \neq -2).$

a) Rút gọn biểu thức A.

b) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = \frac{1}{5}$.

Bài 6. Cho biểu thức $A = \frac{8}{x^2 - 4} + \frac{x}{x - 2}$ và $B = \frac{x}{x + 2}$ (ĐK: $x \neq \pm 2$)

a, Tính giá trị của B khi $x = -4$

b, Rút gọn biểu thức $P = A - B$

c, Tìm x biết $P = -2$

Bài 7. Cho biểu thức $A = \frac{2x}{x+3} + \frac{x+1}{x-3} + \frac{3-11x}{9-x^2}$ ($x \neq \pm 3$).

a) Rút gọn biểu thức A.

b) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 5$.

c) Tìm giá trị của x để $A = \frac{-1}{2}$

d) Tìm các giá trị nguyên của x để A nhận giá trị nguyên.

Bài 8. Cho ΔMNP cân tại N. Gọi A là điểm bất kì thuộc đáy MP. Từ A kẻ AB song song với MN (B thuộc NP) và AC song song với NP (C thuộc MN)

a) Chứng minh: Tứ giác ABNC là hình bình hành b) Chứng minh: $\triangle AMC$ cân và $MN = AB + AC$

c) Gọi E là giao điểm của AN và BC. Từ M kẻ đường thẳng song song với AN cắt đường thẳng AB tại D, DE cắt AM tại G. Chứng minh: G là trọng tâm ΔAND

Bài 9. Cho $\triangle MNP$ vuông tại M, D là trung điểm của NP. Gọi E và F lần lượt là chân đường vuông góc hạ từ D đến cạnh MN, MP.

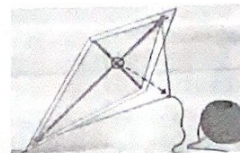
a) Tứ giác MEDF là hình gì? Vì sao?

b) Chứng minh: E là trung điểm của MN.

c) Gọi K là điểm đối xứng với D qua E. Chứng minh tứ giác KMDN là hình thoi.

d) Đường thẳng PE cắt KN tại H. Chứng minh $\frac{KH}{HN} = \frac{1}{2}$.

Bài 10. Bạn Đạt dự định làm khung một chiếc điều hình thoi bằng 6 đoạn tre vót thẳng trong đó có 2 đoạn với độ dài là 60cm và 80cm để làm khung hai đường chéo của chiếc điều hình thoi, 4 đoạn còn lại là 4 cạnh của chiếc điều hình thoi. Hỏi 4 đoạn tre còn lại mỗi đoạn dài bao nhiêu để làm được khung của chiếc điều?



Bài 11. Một mái che giếng trời có dạng hình chóp tứ giác đều với độ dài cạnh đáy là 2,5m và độ dài trung đoạn là 2m.



- Tính diện tích xung quanh của mái che giếng trời đó.
- Tính số tiền để làm mái che giếng trời đó. Biết rằng giá để làm mỗi mét vuông mái che là 2 000 000 đồng (bao gồm tiền vật liệu và tiền công)

Bài 12: Cho biết thang của một xe cứu hoả có chiều dài 13 m, chân thang cách mặt đất 3 m và cách tường của toà nhà 5 m. Tính chiều cao mà thang có thể vươn tới.



Bài 13. Một ô tô đi một quãng đường dài 48 km, trong đó có 8 km đường đi qua khu dân cư. Biết tốc độ ô tô đi trên quãng đường qua khu dân cư kém 10 km/h so với tốc độ ô tô đi trên quãng đường còn lại. Gọi x (km/h) là tốc độ ô tô đi qua khu dân cư ($x > 0$). Viết phân thức biểu thị theo x :

- Thời gian ô tô đi trên quãng đường qua khu dân cư.
- Thời gian ô tô đi trên quãng đường không đi qua khu dân cư.
- Thời gian ô tô đi trên cả quãng đường.

Bài 14. Giá cước gọi ngoại mạng của nhà mạng Viettel là 1190 đồng mỗi phút. Gọi A là số tiền cần trả sau khi sử dụng t (phút) gọi ngoại mạng bằng sim Viettel.

- Viết công thức tính A theo thời gian t của cuộc gọi.
- A có làm hàm số của t không?
- Tính cước cuộc gọi 15 phút.

MÔN CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của:

Phần I: Vẽ kỹ thuật

Phần II: Cơ khí

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

1. Câu trắc nghiệm 4 phương án lựa chọn.

Câu 1: So với bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp có thêm nội dung nào dưới đây ?

- A. Hình biểu diễn
- B. Bảng kê
- C. Kích thước
- D. Khung tên

Câu 2: Trong bản vẽ lắp thể hiện mấy nội dung?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 3: Trong nội dung của một bản vẽ nhà bao gồm những hình biểu diễn nào?

- A. Mặt đứng.
- B. Mặt bằng.
- C. Mặt cắt.
- D. Mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt.

Câu 4: Nội dung cần hiểu khi đọc các bộ phận của bản vẽ nhà cho ta biết ?

- A. Số phòng, chiều cao ngôi nhà.
- B. Số cửa đi và số phòng.
- C. Số phòng, số cửa đi, số cửa sổ và các bộ phận khác của ngôi nhà.
- D. Các bộ phận khác và số phòng của ngôi nhà.

Câu 5: Bộ phận nào sau đây cách điện?

- A. Đầu tua vít
- B. Vỏ dây điện
- C. Lõi dây điện
- D. Cực phích cắm điện

Câu 6: Nhóm chính của kim loại màu là:

- A. Gang
- B. Nhôm, đồng và hợp kim của chúng
- C. Sắt và hợp kim của sắt.
- D. Thép

Câu 7: Trong bản vẽ lắp thể hiện mấy nội dung?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 8: Trình tự đọc bản vẽ lắp?

- A. Hình biểu diễn → Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- B. Khung tên → Bảng kê → Kích thước → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- C. Khung tên → Bảng kê → Hình biểu diễn → Kích thước → Phân tích chi tiết → Tổng hợp
- D. Khung tên → Kích thước → Bảng kê → Hình biểu diễn → Phân tích chi tiết → Tổng hợp

Câu 9: Mặt nào cho biết kích thước ngôi nhà theo chiều cao?

- A. Mặt đứng
- B. Mặt bằng
- C. Mặt cắt
- D. Mặt đứng và mặt bằng

Câu 10: Khi đọc bản vẽ nhà, sau khi đọc nội dung ghi trong khung tên ta cần làm gì ở bước tiếp theo?

- A. Phân tích hình biểu diễn
- B. Phân tích kích thước của ngôi nhà
- C. Xác định kích thước của ngôi nhà
- D. Xác định các bộ phận của ngôi nhà

Câu 11: Em hãy cho biết kí hiệu sau có ý nghĩa gì?



- A. Cửa đi hai cánh
- B. Cửa đi một cánh
- C. Cửa sổ đơn
- D. Cửa sổ kép

Câu 12. Lõi dây điện có thể được làm từ vật liệu nào sau đây?

- A. Sắt
- B. Đồng
- C. Cao su
- D. Nhựa

Câu 13 Gang thuộc loại vật liệu nào

- A. Kim loại đen.
- B. Kim loại màu
- C. Phi kim loại
- D. Chất dẻo rắn

Câu 14. Nhóm vật liệu thuộc vật liệu phi kim loại

- A. Cao su, thủy tinh, gốm, nhựa
- B. Gỗ, chì, kẽm, bạc, nhôm
- C. Giấy, nhựa, thiếc, vàng
- D. Titan, kẽm, nhựa, chất dẻo nhiệt

Câu 15. Chất dẻo nhiệt ứng dụng làm gì?

- A. Làm dép, can, cốc, rổ
- B. Làm các chi tiết máy, ổ đỡ, vỏ bút máy
- C. Làm săm, lốp, ống dẫn, dây đai
- D. Làm lõi dây dẫn điện

Câu 16: Lốp xe máy điện được làm bằng vật liệu gì?

- A. Kim loại màu
- B. Kim loại đen
- C. Cao su
- D. Chất dẻo nhiệt rắn

Câu 17. Thành phần chủ yếu của kim loại đen là

- A. Sắt và cacbon
- B. Đồng và hợp kim đồng
- C. Nhôm và hợp kim nhôm
- D. Niken và Crom

Câu 18: Đồng dẫn điện tốt hơn nhôm thuộc loại tính chất gì

- A. Tính chất hoá học
- B. Tính chất cơ học
- C. Tính chất công nghệ
- D. Tính chất vật lý

Câu 19: Tỷ lệ tốc độ quay và đường kính của bộ truyền động đai là

- A. Tỷ lệ thuận
- B. Tỷ lệ đều
- C. Tỷ lệ nghịch
- D. Tỷ lệ nhanh

Câu 20: Trong bộ truyền động ăn khớp, Z1 cho biết điều gì ?

- A. Tốc độ quay
- B. Đường kính dây đai

C. Số răng bánh dẫn.

D. Đường kính bánh dẫn

Câu 21: Bộ phận không phải truyền động ăn khớp

A. Dây đai

B. Xích

C. Đĩa bị dẫn

D. Đĩa dẫn

Câu 21: Chuyển động dây đai chéo dùng để làm gì

A. Tăng vận tốc

B. Tăng ma sát

C. Đào chiều bán bị dẫn

D. Tiết kiệm dây đai

Câu 23: Chuyển động bánh răng có mấy bộ phận

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 1, câu 2 học sinh chỉ trả lời đúng hoặc sai và ghi chữ “Đ” hoặc “S” đó vào bài làm.

Câu 1. Vật liệu cách điện là

a. vật liệu kim loại đen

b. vật liệu là chất dẻo

c. vật liệu phi kim loại.

d. vật liệu kim loại và phi kim loại

Câu 2. Bộ truyền động đai và truyền động bánh răng đều có chung

a. bánh dẫn

b. bánh bị dẫn

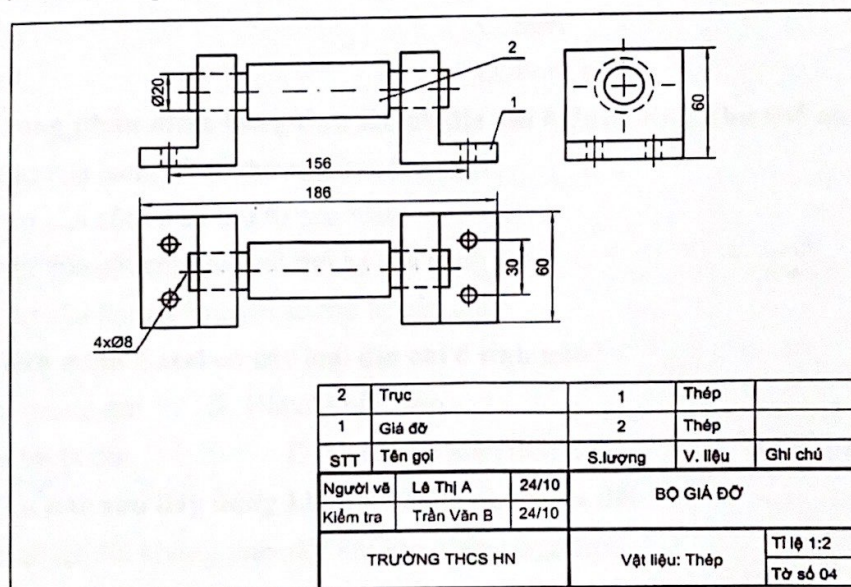
c. dây đai.

d. xích

II. Tự luận

Câu 1. Nếu đặt mặt đáy của hình nón song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh có hình dạng gì?

Câu 2. Đọc bản vẽ lắp sau:



Câu 3. Cho bộ truyền động đai: Bánh dẫn 1 có đường kính 50, bánh bị dẫn 2 có đường kính là 100.

a) Tính tỉ số truyền i của bộ truyền động đai?

b) Hãy xác định tốc độ quay của bánh bị dẫn 2, biết rằng bánh dẫn 1 quay với tốc độ 360 vòng/phút.

Câu 4. Đĩa xích của xe đạp có 50 răng, đĩa líp có 25 răng.

a) Tính tỉ số truyền i của bộ truyền động?

b) Hãy cho biết đĩa xích và đĩa líp, chi tiết nào quay nhanh hơn?

MÔN TIN HỌC

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 4: Ứng dụng của tin học

Bài 5: Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế

Bài 6: Sắp xếp và lọc dữ liệu

Bài 7: Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ

Bài 8: Làm việc với danh sách liệt kê và hình ảnh trong văn bản

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Dấu được sử dụng đầu tiên khi viết công thức là

- A. dấu +
- B. dấu =
- C. dấu ;
- D. dấu :

Câu 2: Để chọn 1 cột trong bảng tính

- A. Di chuyển chuột lên phía trên của tên cột và nhấp chuột
- B. Di chuyển chuột xuống phía dưới của bảng tính và nhấp chuột
- C. Di chuyển chuột đến một vị trí bất kì của cột và nhấp chuột
- D. Di chuyển chuột đến phía trái của cột và nhấp chuột

Câu 3: Giao của cột và hàng được gọi là

- A. Ô
- B. Dòng
- C. Cột
- D. Bảng

Câu 4: Muốn tạo đường viền cho bảng tính ta dùng nút lệnh nào?

- A. Shading
- B. Borders
- C. Sort
- D. Font color

Câu 5: Trong phần mềm bảng tính Excel, địa chỉ ô được tính như thế nào?

- A. Số thứ tự của hàng và số thứ tự của cột
- B. Số thứ tự của cột và số thứ tự của hàng
- C. Số thứ tự của cột cộng với số thứ tự của hàng
- D. Số thứ tự của hàng cộng với số thứ tự của cột

Câu 6: Phần mềm Excel có các loại địa chỉ ô tính nào?

- A. Địa chỉ tương đối
- B. Địa chỉ hỗn hợp
- C. Địa chỉ tuyệt đối
- D. Địa chỉ ô hiện thời

Câu 7: Câu nào sau đây đúng khi nói về địa chỉ tuyệt đối

- A. Địa chỉ tuyệt đối không thay đổi khi sao chép công thức
- B. Địa chỉ tuyệt đối có thay đổi khi sao chép công thức
- C. Địa chỉ tuyệt đối chỉ cần có dấu \$ ở trước số thứ tự cột
- D. Địa chỉ tuyệt đối chỉ cần có dấu \$ ở trước số thứ tự hàng

Câu 8: Muốn điền nhanh dấu \$ đằng trước địa chỉ ô để địa chỉ trở thành tuyệt đối ta sử dụng phím nào?

A. F2

B. F3

C. F4

D. F5

Câu 9: Trong hình 5.3, công thức tại ô F5 là =E5*\$F\$2, sao chép công thức này đến ô F6, kết quả sao chép là:

A. =F6*F3

C. =\$E\$6*F3

B. =E6*\$F\$2

D. =\$E\$6*\$F\$2

Câu 10: Cách nhập kí hiệu \$ cho địa chỉ tuyệt đối là?

A. Gõ kí hiệu \$ từ bàn phím trước khi nhập địa chỉ ô.

B. Sau khi nhập địa chỉ tương đối, nhấn F4 để chuyển thành địa chỉ tuyệt đối.

C. Sau khi nhập địa chỉ tương đối, nhấn F2 để chuyển thành địa chỉ tuyệt đối.

D. Gõ kí hiệu \$ từ bàn phím sau khi nhập địa chỉ ô.

Câu 11: Địa chỉ tương đối tự động thay đổi khi sao chép công thức nhưng vẫn giữ nguyên ... tương đối giữa các ô chứa công thức và ô có địa chỉ trong công thức.

A. địa chỉ

C. kết quả

B. vị trí

D. công thức

Câu 12: Trong thực tế, các thầy cô thường in danh sách học sinh sắp xếp theo cột nào?

A. Họ và tên

B. Ngày sinh

C. Địa chỉ nơi thường trú

D. Nơi sinh

Câu 13: Để sắp xếp dữ liệu trong Excel. Ta dùng lệnh nào sau đây?

A. Data\Sort & Filter

C. Data\ Filter

B. Data\Sort

D. Insert\Sort & Filter

Câu 14: Trong sắp xếp Họ và tên học sinh. Nếu Tên học sinh trùng nhau ta sẽ chọn lệnh nào để tiếp tục chọn tiêu chí sắp xếp tiếp theo là Họ đệm?

A. Sort by

B. Then by

C. Order

D. Options

Câu 15: Để lọc dữ liệu, em thực hiện thế nào?

A. Mở dải lệnh Data, tại nhóm Sort and Filter → chọn lệnh Filter.

B. Mở dải lệnh Layout, tại nhóm Sort and Filter → chọn lệnh Sort

C. Mở dải lệnh Data, tại nhóm Sort and Filter → chọn lệnh Sort

D. Mở dải lệnh Layout, tại nhóm Sort and Filter → chọn lệnh Sort

Câu 16: Để thêm tiêu chí sắp xếp, em chọn?

A. Add level

C. Copy level

B. Delete level

D. Next

Câu 17: lọc dữ liệu trong Excel. Ta dùng lệnh nào sau đây?

A. Data\Sort & Filter

C. Data\ Filter

B. Data\Sort

D. Insert\Sort & Filter

Câu 18: Cho bảng tính sau:

Câu 26: Có mấy kiểu danh sách dạng liệt kê trong văn bản?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 27: Để định dạng kiểu danh sách liệt kê ta sử dụng nhóm lệnh nào?

- A. Clipboard C. Paragraph
B. Font D. Editing

Câu 28: Để thêm hình ảnh vào văn bản ta làm việc với bảng chọn nào?

- A. File B. Insert C. Layout D. View

Câu 29: Thao tác chèn hình ảnh vào văn bản

- A. vào File chọn Pictures C. vào Home chọn Pictures
B. vào Insert chọn Pictures D. vào Design chọn Pictures

Câu 30: Phát biểu nào sai?

- A. Có thể chèn hình ảnh vào văn bản để minh họa cho nội dung
B. Có thể vẽ hình đồ họa trong phần mềm soạn thảo văn bản
C. Có thể chèn thêm, xóa bỏ, thay đổi kích thước của hình ảnh và hình đồ họa trong văn bản
D. Không thể vẽ hình đồ họa trong phần mềm soạn thảo văn bản

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Em hãy nêu các thao tác sắp xếp và lọc dữ liệu

Câu 2. Em hãy trình bày ưu điểm và lưu ý khi sử dụng biểu đồ?

Câu 3. Nêu chức năng của dạng biểu đồ phổ biến?

Câu 4. Hiệu quả của việc sử dụng danh sách liệt kê trong việc trình bày văn bản?

SEMESTER 1 - GRADE 8

A. TOPIC: Unit 1, 2, 3, 4, 5, 6

B. VOCABULARY:

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Leisure time - Life in the countryside - Teenagers | <ul style="list-style-type: none"> - Ethnic groups of Vietnam - Our customs and traditions - Lifestyles |
|--|--|

C. GRAMMAR:

1. Verbs of liking + gerunds/ to-infinitives

Verbs	Verbs + V-ing	Verbs + to V
Like	<i>I like skateboarding in my free time</i>	<i>I like to skateboard in my free time</i>
Love	<i>She loves training her dog</i>	<i>She loves to train her dog</i>
Hate	<i>He hates eating out</i>	<i>He hates to eat out</i>
Prefer	<i>My mother prefers going jogging</i>	<i>My mother prefers to go jogging</i>

Verbs	Verbs + V-ing
Adore	<i>They adore eating ice-cream</i>
Fancy	<i>Do you fancy making crafts?</i>
Don't mind	<i>I don't mind cooking</i>
Dislike	<i>Does he dislike swimming?</i>
Detest	<i>I detest doing housework</i>

2. Comparative forms of adverbs

Form	
S1 + V + adv-er + than S2 (S2 + Vaux). S1 + V + more + adv + than S2 (S2 + Vaux). * Vaux: Aux verb (be/do/have/can...)	<i>She came earlier than me (I did).</i> <i>She sings more beautifully than me (I do).</i>
How to form comparative adverbs	
Đối với trạng từ ngắn (1 âm tiết), không kết thúc bằng đuôi -ly ✓ Kết thúc bằng "e" thêm r ✓ Còn lại + er Đối với trạng từ dài từ 2 âm tiết trở lên), kết thúc bằng đuôi -ly ✓ Thêm "more" trước trạng từ	<i>late → later</i> <i>hard → harder</i> <i>carefully → more carefully</i>
Irregular comparative adverbs	
well badly far	<i>better</i> <i>worse</i> <i>farther/further</i>

3. Simple sentences and compound sentences.

Simple sentences

S + V	<i>He is sleeping.</i>
S + V + O	<i>He is eating some chicken.</i>

Notes:

S: Subject - chủ ngữ

V: Verb - động từ

O: Object - tân ngữ

Compound sentences

S + V1, coordinating conjunctions S2 + V2	for (bởi vì), and (và), but (nhưng), or (hoặc), so (vì vậy)
<i>You can read Twilight, or you can watch it.</i>	
S + V1; conjunctive adverbs S2 + V2	however (tuy nhiên), therefore (vì vậy), otherwise (nếu không thì)
<i>Lucy tried hard; however, she couldn't win.</i>	

4.1. Yes / No Question**Form**

Be / Aux verb + S + V?

Yes, S + be / Aux verb // No, S + be not / Aux verb + not

*Do you like cats?**Yes, I do. / No, I don't***4.2. Wh-questions****► Common Wh-words:**

WHO	<i>Who is he?</i>	HOW	<i>How are you?</i> <i>How do you go to school?</i>
WHOM	<i>Whom do you like?</i>	WHOSE+ N	<i>Whose book is this?</i>
WHAT	<i>What are they?</i>	WHY	<i>Why don't you go?</i>
WHICH	<i>Which do you like, cream or butter?</i>	WHAT/WHICH + N	<i>What colour do you like?</i>
WHERE	<i>Where will you go?</i>	HOW + ADJ/ADV	<i>How big is it?</i>
WHEN	<i>When did you leave?</i>	HOW MANY + Ns/es	<i>How many books are there?</i>
HOW MUCH+ N HOW MUCH	<i>How much beef do you like?</i> <i>How much does it cost?</i>	HOW OFTEN	<i>How often do you dine out?</i>
HOW OLD	<i>How old is she?</i>	HOW FAR	<i>How far is it?</i>
HOW LONG	<i>How long does it take you?</i> <i>How long is the ruler?</i>	HOW TALL/ HIGH	<i>How tall are you?</i>

5. Article

- Trong tiếng Anh, mạo từ (article) được chia làm 2 loại: Mạo từ xác định (definite article) "the" và Mạo từ không xác định (indefinite article) gồm "a, an".

Types	Use	Example
INDEFINITE ARTICLES A/AN (Mạo từ không xác định)	Chỉ dùng với danh từ số ít	<i>She has a doll and a kite.</i>
	Lần đầu được nhắc đến	<i>I have a car.</i>
	Miêu tả nghề nghiệp	<i>She is a doctor.</i>
	Miêu tả đặc điểm	<i>This is a big house.</i>
DEFINITE ARTICLE THE (Mạo từ xác định)	Được nhắc đến từ lần thứ 2 trở đi	<i>I have a bike. The bike is white.</i>
	Đối tượng cụ thể	<i>The children are in the garden.</i>
	Vật duy nhất	<i>The Sun is shining.</i>
	Địa danh chung	<i>I go to the park after school.</i>

ZERO ARTICLE (Không dùng mạo từ)	So sánh nhất	<i>She is the best student.</i>
	Nhạc cụ	<i>She is playing the guitar.</i>
	The + tính từ để chỉ 1 nhóm đối tượng	<i>The poor, the rich</i>
	Danh từ không đếm được, danh từ trừu tượng hoặc được sử dụng với nghĩa chung	<i>I don't like carrots. Money can buy happiness.</i>
	Bữa ăn	<i>I had rice and chicken for lunch.</i>
	Năm, tháng	<i>She was born in 2000.</i>
	Trước tên quốc gia, châu lục, tên núi, hồ, đường phố (Ngoại trừ những nước theo chế độ Liên bang - gồm nhiều bang (state))	<i>He's from Canada. She lives in the UK.</i>
	TV	<i>I like watching TV.</i>
	Ngôn ngữ, môn học	<i>I'm good at English.</i>
	Phương tiện giao thông	<i>I go to school by bike.</i>
	Next, last	<i>We went to the zoo last week.</i>

6.1. Future simple tense

Forms	
(+) S + will + V. (-) S + won't + V. (?) Will + S + V? - Yes, S + will. - No, S + won't.	<i>She will be 16 years old tomorrow. She won't be 16 years old tomorrow. Will she be 16 years old tomorrow? - Yes, she will. - No, she won't.</i>
Use	
Sự thật trong tương lai (sự kiện có mốc thời gian cố định).	<i>He will be eleven next week.</i>
Hành động sẽ xảy ra ở tương lai (không chắc chắn).	<i>He will come here tomorrow.</i>
Ý kiến, lời hứa, hy vọng, phát biểu về một hành động trong tương lai (think, promise, hope, expect...)	<i>I think you will pass the exam.</i>
Quyết định làm gì ngay tại thời điểm nói, thường dùng với các câu lời mời, đề nghị.	<i>There is little milk. I'll buy some.</i>
Time expressions	
- Tomorrow, soon, tonight, next, this weekend, someday, in the future, in + số + years' time - Perhaps, maybe, probably - In + năm (tương lai) - S + think, promise, hope, expect...	

6.2. First conditional

Use	
Câu tình huống chia hiện tại đơn / tương lai đơn.	<i>If it rains, I will stay at home.</i>
Câu mệnh lệnh Hurry up or you will be late for school. Do more exercise and you will be fitter.	<i>If you don't hurry, you will be late for school. If you do more exercise, you will be fitter.</i>
Unless có nghĩa giống với If... not . Vì vậy trong câu điều kiện, hai từ này có thể thay thế cho nhau. Mặc dù unless mang nghĩa phủ định nhưng lại được dùng trong câu khẳng định.	<i>If you don't hurry, you will be late for school. Unless you hurry, you will be late for</i>

	<i>school.</i>
Notes	
Về điều kiện If và về kết quả có thể đổi vị trí cho nhau nhưng khi chia động từ sẽ chia theo đúng về.	<i>I will stay at home if it rains.</i>
Ngoài hiện tại đơn, có thể sử dụng hiện tại tiếp diễn /hoàn thành/ hoàn thành tiếp diễn để diễn tả đúng nội dung khi có dấu hiệu thời.	<i>If I have finished my homework, I will go out.</i>
Về kết quả có thể thay thế will bằng các động từ khiếm khuyết khác (should / must / can...)	<i>If your room is clean, you can go cycling.</i>

D. PRONUNCIATION

Sounds:

- /ʊ/ and /u:/
- /t/ and /ð/
- /ʊə/ and /ɔ:/
- /k/ and /g/
- /n/ and /ŋ/
- /br/ and /pr/

E. SPEAKING

- Introduce and answer the teacher's questions.
- Present the topic and answer the teacher's questions

Topic.

1. Leisure time.

- What do you do in your leisure time?
- How much time do you spend a day on leisure activities?
- What are the three activities that you do the most?

2. Life in the countryside.

- What do you think about life in the countryside?
- Can you list some advantages of life in the countryside?
- Can you list some disadvantages of life in the countryside?

3. Teenagers.

- What pressure do you think teenagers are often under?
- Should parents decide how teenagers spend their free time?
- What do you think about teenagers playing computer games too much?

4. Ethnic groups of Viet Nam.

- How many ethnic groups are there in Viet Nam?
- Can you name five ethnic groups you know in Viet Nam? Who are they?
- Can you talk briefly about one of the groups you know?

5. Our customs and traditions.

- Can you share about the table dinner in your family?
- Can you name three customs in your neighborhood?
- Have you ever broken with tradition? What did you do?

6. Lifestyle.

- How do people in your area maintain their traditional lifestyle?
- Can you share about the cuisines of different countries?
- Can you talk about an interesting way of life around the world?

F. PRACTICE

Exercise 1: Find the word that has a different sound in the part underlined

- | | | | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|
| 1. A. <u>kn</u> ock | B. <u>k</u> ey | C. po <u>ck</u> et | D. mil <u>k</u> |
| 2. A. <u>c</u> arrot | B. <u>c</u> ity | C. <u>c</u> ake | D. <u>cl</u> ass |
| 3. A. <u>ch</u> eck | B. <u>ch</u> ange | C. <u>sch</u> olarship | D. <u>ch</u> urch |
| 4. A. lan <u>te</u> rn | B. im <u>po</u> rtant | C. mo <u>n</u> ey | D. tha <u>n</u> k |
| 5. A. dan <u>ge</u> r | B. dri <u>n</u> k | C. i <u>n</u> k | D. un <u>c</u> le |
| 6. A. ma <u>n</u> y | B. ta <u>k</u> e | C. pla <u>c</u> e | D. wa <u>k</u> e |
| 7. A. ca <u>r</u> p | B. a <u>r</u> ticle | C. pa <u>r</u> ty | D. tra <u>d</u> ition |
| 8. A. r <u>e</u> st | B. di <u>ve</u> rse | C. <u>e</u> thnic | D. que <u>s</u> tion |
| 9. A. ge <u>n</u> tle | B. go <u>o</u> se | C. su <u>g</u> gest | D. gi <u>a</u> nt |
| 10. A. tra <u>d</u> ition | B. que <u>s</u> tion | C. pro <u>ce</u> ssion | D. pre <u>s</u> ervation |
| 11. A. co <u>n</u> ected | B. coo <u>k</u> ed | C. dan <u>c</u> ed | D. co <u>n</u> trolled |
| 12. A. pe <u>r</u> formed | B. wor <u>sh</u> ipped | C. pra <u>y</u> ed | D. offe <u>r</u> ed |
| 13. A. pi <u>c</u> tures | B. wa <u>t</u> ches | C. bu <u>s</u> es | D. br <u>u</u> shes |
| 14. A. cra <u>ft</u> s | B. sto <u>p</u> s | C. o <u>p</u> ens | D. mo <u>n</u> ths |
| 15. A. sou <u>th</u> ern | B. sou <u>th</u> | C. syn <u>th</u> etic | D. fou <u>th</u> |

Exercise 2: Find the word that has a different position of stress from the others

- | | | | |
|-------------------|---------------|---------------|--------------|
| 1. A. costume | B. diverse | C. feature | D. market |
| 2. A. custom | B. livestock | C. highland | D. bamboo |
| 3. A. festival | B. contestant | C. atmosphere | D. family |
| 4. A. village | B. bamboo | C. away | D. obey |
| 5. A. custom | B. worship | C. maintain | D. midnight |
| 6. A. holiday | B. decorate | C. offering | D. addition |
| 7. A. value | B. maintain | C. worship | D. bonding |
| 8. A. convenient | B. discover | C. cultivate | D. excited |
| 9. A. artisan | B. experience | C. nomadic | D. invention |
| 10. A. contestant | B. reunion | C. offering | D. enjoyment |

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

- The boys often help their parents to _____ water from the village well.
A. gather B. collect C. give D. find
- In the Central Highlands, the biggest and tallest house in the village is the _____ house.
A. communication B. community C. communal D. commune
- The Viet people have many _____ customs and crafts.
A. tradition B. traditional C. culture D. customary
- On the side of the road, the boy is herding _____.
A. kites B. hay C. cattle D. blackberries
- It is difficult for some villages to _____ their traditional lifestyle.
A. maintain B. protect C. adopt D. have
- Giving and receiving lucky money are Vietnamese _____ at Tet.
A. culture B. costumes C. features D. traditions
- We are going to prepare _____ sticky rice served with grilled chicken for the celebration.
A. five colours B. five-colours C. five colour D. five-coloured
- Italy is _____ for spaghetti, pasta, and many types of cheese.
A. enjoyable B. native C. famous D. unique

9. I want to try more outdoor activities and learn more about the Japanese countryside's _____.
 A. lives B. live C. lifestyles D. living
10. Nga invites Hoa to hang out with her.
 - Nga: Would you like to hang out with me? - Hoa: _____
 A. Yes, I'd like B. No, I don't like C. Yes, I'd love to D. Never mind
11. People burn incense to show respect to their _____ during Tet.
 A. relatives B. ancestors C. friends D. neighbors
12. The _____ of Quan Ho singing has been recognized as a world heritage.
 A. preservation B. procession C. performance D. song
13. According to the _____ in England, we must use a knife and fork at dinner.
 A. table ways B. table manners C. behaviors D. differences
14. In Alaska, _____ used to be the most popular means of transport.
 A. trains B. ships C. dogsleds D. horse carts
15. Among the _____, the Tay people have the largest population.
 A. groups B. ethnic minorities C. ethnic culture D. majorities
16. Various native groups have their own special _____ of carving and weaving.
 A. habits B. customs C. cuisines D. styles
17. Tet is an occasion for family _____ in Viet Nam.
 A. visitings B. meetings C. reunions D. seeings
18. The Le Mat Festival _____ the founding of the village.
 A. worships B. commemorates C. performs D. preserves
19. _____ can make you relaxed. You can enjoy them in your free time.
 A. Doing sports B. Leisure activities C. Riding horse D. Cycling
20. Is living in the city _____ than living in the country?
 A. more convenient B. as convenient C. most convenient D. so convenient
21. Living cost in the city is much _____ than that in the countryside.
 A. expensive B. more expensive C. expensiver D. the more expensive
22. I think people in the urban areas have _____ life than those in the rural ones.
 A. better B. the best C. gooder D. the better
23. Jane lives in London, so she can speak English _____ than us.
 A. fluentlier B. more fluentlier C. more fluently D. the most fluently
24. _____ was promised a luxury weekend by my friends; _____, I was not satisfied.
 A. despite B. because C. although D. however
25. Always take your shoes off before you enter a temple in India, _____ you will be considered impolite.
 A. otherwise B. therefore C. however D. moreover
26. "Giao thua" is the most sacred time of the year; _____, the first houseguest to offer the first greeting is very important.
 A. moreover B. nevertheless C. so D. therefore
27. In Quang Ninh, you can go to Yen Tu Mountain to attend the Yen Tu Festival, _____ you can visit Ha Long Bay.
 A. so B. yet C. or D. otherwise
28. Festival visitors can take part in cultural activities, such as visiting art galleries, historical places and parks; _____, they can taste exotic food and dishes.
 A. Moreover B. Therefore C. However D. Otherwise

29. _____ communal house the largest and tallest house in the village?
A. Do B. Does C. Is D. Are
30. _____ ethnic groups live on the Hoang Lien Son Mountain range?
A. How much B. How many C. What D. When
31. _____ The Khmer mostly earn their living from weaving?
A. Do B. Does C. Are D. Is
32. My parents _____ us the zoo next weekend.
A. will take B. takes C. took D. have taken
33. Will online learning _____ our IT skills? - Yes, it will.
A. improve B. improves C. improving D. improved
34. The Viet (or Kinh) have _____ largest number of people, accounting for about 86% of the population.
A. x B. an C. the D. a
35. I think the Kate Festival is _____ really joyful festival.
A. the B. a C. x D. the
36. Viet Nam is _____ multicultural country with 54 ethnic groups.
A. a B. the C. x D. an
37. _____ British decorate their Christmas trees and place presents under them.
A. A B. An C. The D. x
38. If I travel to Paris this summer, I _____ you.
A. will visits B. would visit C. visit D. will visit
39. Unless you _____ your homework, you will get mark 0.
A. don't do B. won't do C. will do D. do
40. If it _____ tomorrow, we _____ fishing.
A. rain - won't go B. rains - won't go C. rains - will go D. rain - will go
41. Do you mind if I _____ your torch for a minute?
A. borrow B. will borrow
C. am going to borrow D. borrowed
42. _____ you study harder; you won't pass the examination.
A. Unless B. Because C. If D. Without
43. You need to wake up now, or you _____ to school on time.
A. will go B. don't go C. won't go D. go
44. I detest _____ so early in the morning.
A. get up B. getting up C. gets up D. to get up
45. I don't mind _____ the trees in the garden when my father asks me to.
A. to water B. water C. watered D. watering
46. Young students are _____ of using tablets when studying online.
A. fond B. interested C. hooked D. into
47. I prefer _____ comic books to _____ board games.
A. reading - playing B. read - play C. to read - to play D. reading - play
48. An is having small talk with Binh.
- An " _____ ?" - Binh: "for a week."
A. How do you get to work every day B. How long have you been working here
C. How far is it from your house to the city D. How often do you go shopping
49. Quang and Tuan are talking about their plan for this weekend.
- Quang: "We are free this weekend. How about going on a picnic?"

- Tuan: "_____. When will we start to go?"

A. It's nice of you to say so

B. You're right

C. Yes, please

D. That's a good idea

50. At a party, Nam is talking to Mai:

Nam: "What a beautiful dress you are wearing!" - Mai: "_____"

A. You're so careful!

B. Well done!

C. Thank you!

D. What a good idea!

Exercise 4:

4.1. Read the following instructions and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

HOW TO STAY ORGANIZED AS A TEENAGER

1. **Use a Planner or Digital Calendar**

Write (1) _____ all your important dates, including homework deadlines, exams, and extracurricular activities.

2. **Break Down Large Tasks**

For big assignments or exams, split them into smaller, (2) _____ tasks.

3. **Prioritize Daily Tasks**

Make a list of tasks every day and ask yourself (3) _____ to do first.

4. **Keep Your Space Tidy**

A clean study area helps reduce distractions and improves (4) _____.

Question 1. A. in

B. up

C. on

D. down

Question 2. A. manageable

B. unmanageable

C. managed

D. manage

Question 3. A. why

B. how

C. what

D. where

Question 4. A. confusion

B. application

C. inattention

D. concentration

4.2. Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank

HOW TO SUCCEED IN SCHOOL

1. Attend (1) _____ your classes regularly.

2. Take notes during lectures.

3. Ask questions if you don't understand (2) _____ lesson.

4. Study in a quiet place.

5. (3) _____ to your teachers' advice and follow it.

6. Review your notes if you are (4) _____ for a test.

Question 1: A. on

B. in

C. at

D. from

Question 2: A. x (no article)

B. a

C. the

D. an

Question 3: A. Speak

B. Listen

C. Look

D. Write

Question 4: A. ready

B. readily

C. readiness

D. readied

Exercise 5:

5.1. Read the following passage and choose the option (A, B, C, or D) that best answers each of the questions below.

Pancake Day, or shove Tuesday is a special day celebrated in many countries around the world. It is celebrated in English-speaking countries. On this day, many people eat pancakes, a thin, flat cake made in a pan.

Pancake Day is always on a Tuesday in February or March. It is the day before the start of Lent. Lent is a period

of 40 days before Easter when people often give up or stop eating things that are bad for them like chocolate or fast food. Traditionally, during Lent, people didn't eat rich foods like butter and eggs, so they made pancakes. Another tradition on Pancake Day in the UK is pancake racing. People run in a race with a pancake in a pan. As they run, they have to toss the pancake (throw the pancake in the air and catch it in the pan) several times. In some pancake races, people dress up in fancy dress costumes. The most famous pancake race takes place in a town called Olney, in the middle of England. People say that Olney has been celebrating pancake races since 1445.

(Source: Adapted from Learn English Teens)

1. Which of the following is a good title for the text?
 - A. How to make a pancake
 - B. Pancake racing
 - C. A brief introduction about Pancake Day
 - D. Pancake Day in the UK
2. During Lent, people don't go light on
 - A. chocolate
 - B. low-fat food
 - C. butter
 - D. eggs
3. What can people do in a pancake race?
 - A. Wear fancy clothes
 - B. Eat pancakes
 - C. Run in a race with a pancake in a pan
 - D. All A, B & C are correct
4. What does the word "it" refer to?
 - A. Pancake
 - B. Pan
 - C. Air
 - D. Race
5. What is NOT TRUE about Pancake Day?
 - A. Pancake Day originated in the UK.
 - B. Many English-speaking countries celebrated Pancake Day.
 - C. As its name suggests; a pancake is made in a pan.
 - D. Pancake racing is a famous activity on Pancake Day in the UK.

5.2. Read the following passage and choose the option (A, B, C, or D) that best answers each of the questions below.

Many teenagers' lives are centred around social media. According to a 2018 Pew Research Center survey of almost 750 13- to 17-year-olds, 45% are almost always online and 97% use social networking platforms such as YouTube, Facebook, Instagram, or Snapchat.

Teens can use social media for building accounts on the Internet, interact with others, and build social networks. Teens may benefit from social media that is enjoyable or fun, or that gives a meaningful connection to peers, and a wide social network might even help teens avoid depression.

Social media use, on the other hand, can have a harmful impact on youngsters by distracting them, disrupting their sleep, and exposing them to bullying, rumour spreading, unreliable views of other people's lives, and peer pressure. The dangers might be linked to how much social media young people use. A 2019 research of over 6,500 12- to 15-year-olds in the United States discovered people who spend more than three hours per day on social media may be at a higher risk for mental health problems.

1. What is the main idea of the passage?
 - A. Social media benefits.
 - B. Impacts of social media on teens.
 - C. Social media harms.
 - D. Teenagers' lives on social media.
2. The word "enjoyable" in the passage is closest in meaning to _____.
 - A. boring
 - B. awful
 - C. pleasant
 - D. waste
3. What type of people were surveyed in 2018 by Pew Research Center?
 - A. Teenagers.
 - B. Preschoolers.
 - C. Elders.
 - D. Adults.
4. All of the following are true about the benefits teens get from using social media, EXCEPT _____.
 - A. providing them with a meaningful connection to peers
 - B. having a twisted view of other people's lives

- C. communicating with people and developing social networks
 D. helping them avoid depression
5. What benefit can a wide social network from social media provide for teens?
 A. Avoiding bullying
 B. Avoiding sleep disruption
 C. Avoiding depression
 D. Avoiding distractions
6. The word "**benefit**" in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.
 A. useful
 B. advantage
 C. disadvantage
 D. profit

Exercise 6:

6.1. Read the following passage and choose the word or phrase (A, B, C, or D) that best fits the blank space.

When the fireworks light up the sky across the states in America, they signalize the transition moment between the old year and the new year. At Times Square, New York City, this sacred moment is illuminated by the (1) _____ dropping of a dazzling ball. It's fantastic to see the confetti rain down over the square and people cheer and take selfies to say farewell to another departing year. Before this annual great event, numerous flocks of New Year's Eve (2) _____, beginning to head for the square at 2 p.m., join the big celebratory party and enthusiastically wait until the clock strikes midnight. A handful of festivities, like live music (3) _____ from famous artists, happen during this time. People can enjoy the bustling evening atmosphere among the enormous crowds in the avenues or (4) _____ the event on the rooftops of luxury high buildings. Although it's inconvenient to wait long hours in cold weather to see the ball drop and colorful fireworks displays, it's worth (5) _____.

(Adapted from: <https://www.softschools.com/>)

- | | | | |
|------------------|-----------------|----------------|------------------|
| 1. A. traditions | B. tradition | C. traditional | D. traditionally |
| 2. A. celebrants | B. celebrations | C. celebrate | D. celebratory |
| 3. A. performing | B. performers | C. perform | D. performances |
| 4. A. observes | B. observe | C. observing | D. observation |
| 5. A. waited | B. to wait | C. wait | D. waiting |

6.2. Read the following passage and choose the word or phrase (A, B, C, or D) that best fits the blank space.

Nowadays, with the high-speed Internet (1) _____, people can quickly update the (2) _____ news on the coming natural disasters in their neighborhood. For example, last year many flood victims in Da Nang were rescued from deep flooded areas (3) _____ to the short videos and images of where they got stuck they posted on social networks like Facebook or TikTok. In addition, the collaborative work on storm and flood prevention between departments goes (4) _____ because they can have video conferences to guide and evacuate locals from dangerous areas. In the future, the communication (5) _____ people and the rescue teams might be much more convenient when telepathy technology has a breakthrough.

(Adapted from: <https://www.sachmem.vn/>)

- | | | | |
|----------------|---------------|---------------|--------------|
| 1. A. connect | B. connecting | C. connection | D. connector |
| 2. A. latest | B. last | C. later | D. late |
| 3. A. despite | B. because | C. thank | D. thanks |
| 4. A. smoothie | B. smoothly | C. smooth | D. smoother |
| 5. A. by | B. with | C. between | D. from |

Exercise 7: Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. Jenny loves doing puzzles in her free time.

- A. Jenny is fond of doing puzzles in her free time.
 B. Jenny is keen in doing puzzles in her free time.

- C. Jenny is fond on doing puzzles in her free time.
- D. Jenny is interested on doing puzzles in her free time.

2. I think countryside dwellers are happier than city dwellers.

- A. I think city dwellers are happier than country dwellers.
- B. I think city dwellers are not as happy as country dwellers.
- C. I think city dwellers are not happier as country dwellers.
- D. I think city dwellers are happier as country dwellers.

3. Hurry up, otherwise, you will miss the bus.

- A. If you hurry up, you will miss the bus.
- B. Although you hurry up, you will miss the bus.
- C. You will miss the bus because you don't hurry up.
- D. If you don't hurry up, you will miss the bus.

4. Stay away from this area or I'll report the police.

- A. If you didn't stay away this area, I will report the police.
- B. If you don't stay away this area, I would report the police.
- C. I'll report the police unless you stay away from this area.
- D. Unless you don't stay away from this area, I won't report the police.

5. Why don't we go to Da Nang by car?

- A. They asked why we didn't go to Da Nang by car.
- B. They suggested going to Da Nang by car.
- C. They wished that we went to Da Nang by car.
- D. They wanted to go to Da Nang by car.

6. How far is it from the communal house to the river?

- A. What is the distance from the communal house to the river?
- B. What is the distance from the communal house to the rivers?
- C. What is the distance between the communal house and the river?
- D. What is the distance between the communal house to the rivers?

7. The H'mong children I met in Sapa are only six years old, but they speak English very well.

- A. Although the H'mong children I met in Sapa are only six years old, but they speak English well.
- B. The H'mong children I met in Sapa are only six years old; otherwise, they can speak English well.
- C. Because the H'mong children I met in Sapa are only six years old, they can't speak English well.
- D. The H'mong children I met in Sapa are only six years old; however; they can speak English well.

Exercise 8: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

1. A lot of teenagers / participate / volunteering activity/ help / people /.

- A. A lot of teenagers participate on volunteering activity to help people.
- B. A lot of teenagers participates volunteering activity to help people.
- C. A lot of teenagers participate to volunteering activity to help people.
- D. A lot of teenagers participate volunteering activity to help people.

2. People / enjoy/ leisure time/ because/ it/ help/ relax/.

- A. People enjoy doing leisure time because of its relax.
- B. People enjoy leisure time because of it helps them relax.
- C. People enjoy leisure time because it helps them relax.
- D. People enjoy doing leisure time because it helps them relax.

3. Brian/ prefer/ face-to-face/ communication/ he/ go/ class/ instead/learning/ online/.

- A. Brian prefers class instead of learning online, so he will go to face-to-face communication.
- B. Brian prefers face-to-face communication, so he will go to class instead of learning online.
- C. Brian will go to face-to-face communication, so he prefers class instead of learning online.
- D. Brian will go to class instead of learning online, so he prefers face-to-face communication.

4. She suggest/take/plane/today/or/go/train tomorrow.

- A. She suggested taking the plane today or we should go by train tomorrow.
- B. She suggested taking the plane today or going by train tomorrow.
- C. She suggested to take the plane today or to go by train tomorrow.
- D. She suggested that we should take the plane today or going by train tomorrow.

5. you/mainly/ live/ central/ highlands/ Viet Nam/?

- A. Do you mainly live on the central of highlands Viet Nam?
- B. Do you mainly live above the central of highlands Viet Nam?
- C. Do you mainly live in the central of highlands Viet Nam?
- D. Do you mainly live of the central of highlands Viet Nam?

Môn : Nghệ thuật 8

I. Nội dung Âm nhạc.

1. Ôn tập bài hát:

- Bài hát Thương lắm thầy cô ơi
- Bài hát Khúc ca chào xuân

(Yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát.)

2. Ôn tập bài đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 3.
- Bài đọc nhạc số 4.

(Yêu cầu: Đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu.)

3. Ôn tập nhạc cụ: Các mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.

(Yêu cầu thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết ứng dụng cho bài hát, biết vận dụng bộ gõ cơ thể vào bài hát và đọc nhạc.)

II. Nội dung Mĩ thuật.

- Vẽ tranh theo chủ đề thiên nhiên
- Thiết kế thời trang với họa tiết dân tộc

(Yêu cầu biết thiết kế thời trang với họa tiết dân tộc và vẽ tranh thiên nhiên, thực hành giấy khổ A4)

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Phần Lịch sử

**Phần một. Lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII*

Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII

Bài 8. Phong trào Tây Sơn

Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII

**Phần hai. Lịch sử thế giới*

Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX

B. Phần Địa lí

Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 4, 5, 6, 7.

** Phần 1: Khí hậu Việt Nam.*

- Tính chất gió mùa.

- Sự phân hóa đa dạng của khí hậu Việt Nam.

** Phần 2: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu.*

- Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của trạm thuộc Trường Sa- Khánh Hòa.

** Phần 3: Thủy văn Việt Nam.*

- Đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

** Phần 4: Vai trò của tài nguyên khí hậu và nước đối với sự phát triển kinh tế xã hội.*

- Ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.

- Vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch.

- Tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một số lưu vực sông.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 50% trắc nghiệm + 50% tự luận

III. MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP

A. Phần Lịch sử

Câu 1. Nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn.

Câu 2.

a. Trình bày những nét chính về tình hình thủ công nghiệp và thương nghiệp của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

b. Kể tên một số làng nghề thủ công hình thành từ các thế kỉ XVI – XVIII và vẫn tồn tại, phát triển đến ngày nay.

Câu 3. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc là gì? Tại sao nói chủ nghĩa đế quốc là mối nguy hại đối với nhân loại?

Câu 4.

a. Nêu ý nghĩa của cuộc cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

b. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã có ảnh hưởng như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

B. Phần Địa lí

Câu 1: Trình bày sự phân hoá theo Bắc Nam chiều của khí hậu Việt Nam.

Câu 2: Cho bảng số liệu sau:

**NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM
CỦA MỘT SỐ TRẠM KHÍ TƯỢNG Ở VIỆT NAM**

Tháng		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trạm													
Láng (TP Hà Nội)	Nhiệt độ (°C)	17,1	18,6	20,9	24,7	28,1	30,0	29,8	29,1	28,2	26,0	22,6	18,8
	Lượng mưa (mm)	28,3	20,2	55,8	74,3	191,7	246,4	308,2	332,6	197,3	113,0	56,6	25,8
Tân Sơn Hoà (TP Hồ Chí Minh)	Nhiệt độ (°C)	26,9	27,5	28,8	29,8	29,4	28,5	28,0	28,1	27,8	27,6	27,6	27,1
	Lượng mưa (mm)	22,9	11,1	24,8	77,6	215,9	250,1	258,7	266,5	315,8	306,6	167,4	46,2
Trường Sa (tỉnh Khánh Hoà)	Nhiệt độ (°C)	26,8	27,0	28,0	29,1	29,5	28,9	28,4	28,5	28,3	28,2	28,0	27,1
	Lượng mưa (mm)	182,0	90,1	101,2	62,5	130,3	202,4	272,5	249,8	251,3	338,8	361,2	505,0

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn)

a. Vẽ biểu đồ cột kết hợp với đường thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của trạm Trường Sa-Khánh Hòa.

b. Nhận xét.

Câu 3: Phân tích vai trò của nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt ở nước ta.

Câu 4: Chứng minh tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông Hồng.

Câu 5: Trình bày tính chất gió mùa của khí hậu Việt Nam.

MÔN: GD CD 8

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam
2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc.
3. Lao động cần cù, sáng tạo.
4. Bảo vệ lễ phải.
5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
6. Xác định mục tiêu cá nhân.

B/ BÀI TẬP:

1. Nắm được khái niệm trong mỗi bài học và trả lời được các câu hỏi, bài tập sau mỗi bài học trong SGK.
2. Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề bài học.
3. Tìm, giải thích được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, danh ngôn,... liên quan đến từng chủ đề.
4. Liên hệ bản thân, điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức ở từng chủ đề.

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1. Việc làm nào dưới đây thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

- A. Thiếu tích cực khi tham gia các hoạt động sinh hoạt văn hóa dân tộc.
- B. Có thái độ phân biệt, kì thị văn hóa giữa các vùng miền, dân tộc.
- C. Tìm hiểu về truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc.
- D. Xấu hổ, tự ti về các di sản văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc.

Câu 2. “Những kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong một khoảng thời gian nhất định” đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Mục tiêu phấn đấu.
- B. Mục tiêu cá nhân.
- C. Kế hoạch cá nhân.
- D. Năng lực cá nhân.

Câu 3. Câu tục ngữ nào sau đây phản ánh về việc bảo vệ lễ phải?

- A. Miệng nam mô, bụng bồ dao găm.
- B. Gió chiều nào theo chiều ấy.
- C. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.
- D. Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn.

Câu 4. Bạn S mang trong mình dòng máu Việt Nam và Mỹ gốc Phi nên thường xuyên bị bạn K trêu chọc về màu da. Nếu là bạn cùng lớp với S và K, em lựa chọn cách ứng xử nào sau đây?

- A. Rủ rê các bạn trong lớp cùng tẩy chay bạn S.
- B. Không quan tâm vì không liên quan đến mình.
- C. Cùng với bạn K trêu chọc về màu da của bạn S.
- D. An ủi, động viên S; khuyên K không nên trêu chọc S.

Câu 5. “Những của cải có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng phục vụ cuộc sống (mỏ khoáng sản, dầu khí, động vật,...)” đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Môi trường tự nhiên.
- B. Môi trường sinh thái.
- C. Tài nguyên du lịch.
- D. Tài nguyên thiên nhiên.

Câu 6. “Luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.” là nội dung khái niệm nào?

- A. Làm việc hiệu quả.
- B. Làm việc hăng say.
- C. Lao động cần cù.
- D. Lao động sáng tạo.

Câu 7. Ý kiến nào dưới đây **không đúng** về tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới?

- A. Cần phê phán các hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc, văn hóa.
- B. Cần tiếp thu có chọn lọc các thành tựu văn hóa của bên ngoài.
- C. Mọi dân tộc đều có những nét đẹp riêng về tính cách, văn hóa.
- D. Chỉ nên tôn trọng, học hỏi văn hóa của những dân tộc giàu có.

Câu 8. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới?

- A. Kì thị, phân biệt giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số.
- B. Tôn trọng tính cách, truyền thống của các dân tộc.
- C. Từ chối tìm hiểu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc.
- D. Kì thị, phân biệt chủng tộc giữa người da trắng và da màu.

Câu 9. Thấy mọi người trong xóm lên vào trong núi đào vàng, P hẹn với K sáng hôm sau cùng tham gia. Nếu là K, em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây?

- A. Lập tức đồng ý và rủ thêm nhiều người khác cùng tham gia cho vui.
- B. Từ chối không tham gia nhưng cũng không can ngăn hành động của P.

C. Mặc kệ, không quan tâm vì việc đó không ảnh hưởng gì đến mình.

D. Khuyên P không tham gia và báo cáo sự việc với lực lượng công an.

Câu 10. Đầu năm học, C quyết tâm đạt danh hiệu học sinh giỏi trong quá trình học C gặp một số vấn đề nên C đang thấy nản lòng về mục tiêu đã đặt ra. Nếu là bạn thân của C, em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây?

A. Khuyên C từ bỏ mục tiêu vì cố gắng cũng không đạt được.

B. Mặc kệ, không quan tâm vì không liên quan đến mình.

C. Khuyên C kiên trì, thiết lập lại kế hoạch học tập phù hợp.

D. Trách móc, phê bình C gay gắt vì đã có thái độ chủ quan.

Câu 11. Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, T thường được nghe ông kể về thời kháng chiến chống thực dân, đế quốc của người dân Thủ đô. T rất tự hào và rủ bạn bè cùng lập nhóm tìm hiểu lịch sử chống giặc ngoại xâm của các thế hệ trước. Nếu nhận được lời mời của T, em nên lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây?

A. Làm ngơ vì truyền thống đó không gì đáng tự hào.

B. Đồng ý và tham gia một cách hăng hái, tích cực.

C. Không tham gia, vì không nên hoài cổ về quá khứ.

D. Không thích nhưng vẫn đồng ý để khỏi mất lòng bạn.

Câu 12. Bạn S (14 tuổi) đặt mục tiêu đến năm 24 tuổi sẽ trở thành nhà văn viết truyện cho thiếu nhi. Dự định của bạn S thuộc loại mục tiêu nào?

A. Tài chính.

B. Sự nghiệp.

C. Học tập.

D. Sức khỏe.

Câu 13. Sắp tới giờ kiểm tra môn Vật lí, bạn V rất lo lắng vì V hôm qua mãi xem ti vi nên không ôn lại bài. V thô lỗ với M (bạn cùng bàn) về việc sẽ quay cóp, mở tài liệu. Nếu là M, em nên lựa chọn cách ứng xử nào sau đây?

A. Không quan tâm vì việc đó không liên quan tới mình.

B. Khuyên V nên tự lực làm bài kiểm tra, không nên quay cóp.

C. Đợi lúc bạn V mở tài liệu sẽ đứng lên tố cáo với giáo viên.

D. Ngay lập tức hưởng ứng và làm theo hành động của V.

Câu 14. Lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân bao gồm bao nhiêu bước?

A. 9 bước.

B. 8 bước.

C. 6 bước.

D. 7 bước.

Câu 15. Hành vi nào thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

A. Gia đình ông C lấn chiếm đất đai của khu di tích lịch sử - văn hóa.

B. Chị X chê bai, tự ti, xấu hổ về làn điệu dân ca của quê hương mình.

C. Anh T từ chối tham gia hoạt động thiện nguyện ở địa phương.

D. Bạn K giới thiệu với bạn bè quốc tế về nghệ thuật hát xẩm.

Câu 16. Câu ca dao “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây/ Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng” nói về truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam?

A. Uống nước nhớ nguồn.

B. Tôn sư trọng đạo.

C. Yêu thương con người.

D. Yêu nước, đoàn kết.

Câu 17. Anh K và chị X được phân công phụ trách dự án cải tiến nâng cấp phần mềm hệ thống kế toán của công ty. Anh K đưa ra nhiều ý tưởng thay đổi có tính đột phá nhưng chị X không ủng hộ vì cho rằng không cần phải thay đổi nhiều để khỏi mất công, không phải suy nghĩ. Nhân vật nào đã có ý thức sáng tạo trong lao động?

A. Chị X.

B. Anh K.

C. Anh K và chị X.

D. Không có nhân vật nào.

Câu 18. “Những điều đúng đắn, phù hợp với đạo lí và lợi ích chung của xã hội” đó là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Lí tưởng.

B. Đạo đức.

C. Luân lí.

D. Lễ phải.

Câu 19. Em đồng tình với ý kiến của nhân vật nào dưới đây về tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc?

A. Anh K cho rằng: “Không nên tiếp thu, học hỏi văn hóa bên ngoài”.

B. Bạn T nghĩ “Chỉ nên tôn trọng, học hỏi những dân tộc giàu có”.

C. Anh P nghĩ: “Nên tiếp thu tất cả các thành tựu văn hóa nước ngoài”.

D. Chị Q cho rằng: “Mọi dân tộc đều có cái hay, cái đẹp để học hỏi”.

Câu 20. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của lao động cần cù?

A. Tìm tòi, cải tiến phương pháp để lao động có hiệu quả.

B. Sửa chữa sai lầm, rút bài học kinh nghiệm cho bản thân.

C. Chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên.

D. Tìm cách giải quyết tối ưu để nâng cao hiệu quả lao động

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Em hãy kể tên những truyền thống của dân tộc Việt Nam? Chúng ta cần làm gì để tự hào về truyền thống dân tộc? Lấy ví dụ thể hiện niềm tự hào về truyền thống dân tộc của em?

Câu 2: Thế nào là tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới? Nêu 1 việc làm của bản thân em biết tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc?

Câu 3: Thế nào là lao động cần cù, lao động sáng tạo? Biểu hiện của lao động cần cù, sáng tạo? Liên hệ bản thân em đã gì để thể hiện cần cù, sáng tạo trong học tập?

Câu 4: Dựa vào nội dung đã học em hãy cho biết thế nào là lẽ phải, bảo vệ lẽ phải? Việc bảo vệ lẽ phải giúp ích gì cho chúng ta? Lấy ví dụ về hành động biết bảo vệ lẽ phải của bản thân em?

Câu 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là gì? Em đã làm gì để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

Câu 6: a/ Thế nào là mục tiêu cá nhân? Ý nghĩa của việc xác định mục tiêu cá nhân là gì?

b/ Em hãy nêu các bước lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân? Liên hệ bản thân đã lập mục tiêu cá nhân gì cho tương lai?

Câu bài tập tình huống

Tình huống 1: Sáng nay trên đường đi học tới cổng trường H thấy M bạn học cùng lớp đang bị bạn thân của mình là A cướp mũ bảo hiểm để đi vào trường. Đầu giờ truy bài cô Tổng phụ trách đi kiểm tra và có phạt M vì M không mang mũ bảo hiểm khi đi xe đạp điện. H thầm nghĩ “ Thôi kệ đây không phải việc của mình”.

a/ Em có đồng tình với hành vi của bạn H không? Vì sao?

b/ Nếu là bạn của H khi biết sự việc như vậy em sẽ làm gì?

Tình huống 2: Trong buổi dọn dẹp vệ sinh trường, nhóm lớp 8A2 làm việc rất hăng say. Cuối buổi dọn dẹp cô giáo giao K và D đi đổ rác và quét vệ sinh chỗ mương thoát nước sau lớp học. K và D nhanh chóng làm việc lúc đó K đã quét và đổ hết toàn bộ rác xuống mương nước. K nói “ Như này cho nhanh để còn về, dù gì cũng không ai thấy đâu.”

a/ Em có đồng tình với hành vi của bạn K không? Vì sao ?

b/ Nếu là D trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

Môn: Giáo dục thể chất 8

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: TTTC (Cầu lông).
- Kỹ thuật di chuyển lùi đánh cầu cao tay bên phải.

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách thực hiện kỹ thuật di chuyển lùi đánh cầu cao tay bên phải.

MÔN: NGỮ VĂN 8

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ NĂNG LỰC:

1. Phân đọc – hiểu:

Bài 4: TRUYỆN CƯỜI

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả;...) của truyện cười
- Hiểu và vận dụng được hiểu biết về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe

2. Phân viết:

- Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT ĐỀ 1

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi

MAY KHÔNG ĐI GIÀY

Có ông tính hà tiện, một hôm đi chân không ra chợ. Giữa đường vấp phải hòn đá, ngón chân chảy máu ròng ròng, thế mà ông không phàn nàn gì lại còn nói:

- May cho mình thật!

Có người đi qua đường lấy làm lạ, hỏi:

- Ông vấp toạc chân chảy máu ra như thế, mà còn bảo may là thế nào?

- Anh không rõ, may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất cả mũi giày rồi còn gì?

(In trong “Tiếng cười dân gian Việt Nam”, NXB khoa học Xã hội, 1997)

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện trên thuộc kiểu nhân vật nào?

Câu 3: Theo em, chi tiết nào trong văn bản đã tạo ra tính trào phúng, gây cười cho truyện?

Câu 4: Xác định nghĩa hàm ẩn có trong câu in đậm trong văn bản.

Câu 5: Em có nhận xét gì về cốt truyện của văn bản trên?

Câu 6: Theo em, tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích gì? Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua văn bản trên.

Câu 7: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lối sống keo kiệt, hà tiện.

ĐỀ 2

TAM ĐẠI CON GÀ

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt. Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy con trẻ.

Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dù di là con dù di”. Thầy cũng khôn, sợ nhớ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thăm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù di” không. Thổ công cho ba đài được cả ba. Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

- Dù di là con dù di... Dù di là con dù di...

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giờ sách ra xem, hỏi thầy:

- Chết chưa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dù di” là con “dù di”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thăm: “Mình đã đốt, thổ công nhà nó cũng đốt nữa”, nhưng nhanh trí thầy vội nói gỡ:

- Tôi vẫn biết ấy là chữ “kê”, mà “kê” nghĩa là “gà”, nhưng tôi dạy thế là dạy cháu biết đến tận tam đại con gà kia”.

Nhà chủ càng không hiểu, hỏi:

- Tam đại con gà nghĩa làm sao?

- Thế này nhé! Dù di là con dù di, dù di là chị con công, con công là ông con gà!

(Theo Trương Chính - Phong Châu, *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, NXB

Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện là ai?

Câu 3. Chi tiết thầy đồ bảo học trò đọc khế câu “*Dù di là con dù di*” có ý nghĩa gì?

Câu 4. Nghĩa hàm ẩn trong lời biện bạch của thầy đồ: “*Tôi vẫn biết ấy là chữ “kê”, mà “kê” nghĩa là “gà”, nhưng tôi dạy thế là dạy cháu biết đến tận tam đại con gà kia*” là gì?

Câu 5. Ý nghĩa của văn bản trên là gì? Từ đó, em rút ra cho bản thân mình bài học gì?

Câu 6. Theo em, bản thân mỗi người có nên giấu dốt không? Vì sao? (Trình bày ngắn gọn bằng đoạn văn khoảng 200 chữ)

ĐỀ 3

NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY

Làng kia có một tên lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi.

Một hôm nọ, Cái với Ngô đánh nhau, rồi mang nhau đi kiện. Cái sợ kém thế, lót trước cho thầy Lí năm đồng. Ngô biện chè lá những mười đồng. Khi xử kiện thầy Lí nói:

- Thằng Cái đánh thằng Ngô đau hơn, phạt một chục roi.

Cái vội xòe 5 ngón tay, ngân mặt nhìn thầy Lí, khề lằm bằm:

- Xin xem xét lại, lẽ phải về con mà!

Thầy Lí cũng xòe năm ngón tay trái úp mu lên trên ngón tay mặt nói:

- Tao biết mày phải... Nhưng nó lại phải... bằng hai mày!

(Theo *Tiếng cười dân gian Việt Nam*)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. Trong chi tiết “*Thầy Lí cũng xòe năm ngón tay trái úp mu lên trên ngón tay mặt nói: - Tao biết mày phải... Nhưng nó lại phải... bằng hai mày!*” sử dụng thủ pháp trào phúng nào để tạo ra tiếng cười?

Câu 3: Thông qua chi tiết “*Cải với Ngô đánh nhau, rồi mang nhau đi kiện. Cải sợ kém thế, lớt trước cho thầy Lí năm đồng. Ngô biện chè lá những mười đồng.*” cho thấy hai nhân vật này có tính cách như thế nào?

Câu 4: Nghĩa hàm ẩn của câu nói sau là gì?

- *Tao biết mày phải... Nhưng nó lại phải... bằng hai mày!*

Câu 5: Vì sao việc giới thiệu “*Làng kia có một tên lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi*” đã tạo ra sự mâu thuẫn, xung đột ở nhân vật này? Qua đó tác giả thể hiện tình cảm, thái độ gì với nhân vật thầy Lí?

Câu 6: Trình bày suy nghĩ của em về hậu quả của thói gian lận, không trung thực bằng một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ.

ĐỀ 4

QUẢ BÍ KHÔNG LỖ

Hai anh chàng đi qua một khu vườn trồng bí. Một anh thấy quả bí to, kêu lên:

- Chà, quả bí kia to thật!

Anh bạn có tính hay nói khoác, cười mà bảo rằng:

- Thế thì đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều. Có một lần, tôi tận mắt trông thấy một quả bí to bằng cả cái nhà đằng kia kia.

Anh kia nói ngay:

- Thế thì đã lấy gì làm lạ. Tôi còn nhớ, một bận tôi trông thấy một cái nồi đồng to bằng cả cái đình làng ta.

Anh nói khoác ngạc nhiên hỏi:

- Cái nồi ấy dùng để làm gì mà to vậy?

Anh kia giải thích:

- Cái nồi ấy dùng để luộc quả bí anh vừa nói ấy mà.

Anh nói khoác biết bạn chế nhạo mình bèn nói lảng sang chuyện khác.

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

Câu 2. Hai nhân vật trong câu chuyện trên được xây dựng chủ yếu thông qua yếu tố nào?

Câu 3. Câu nói nào của các nhân vật sử dụng thủ pháp trào phúng? Cho biết đó là thủ pháp trào phúng nào và nêu tác dụng.

Câu 4. Nghĩa hàm ẩn của câu nói “*Cái nồi ấy dùng để luộc quả bí anh vừa nói ấy mà.*” là gì?

Câu 5. Câu chuyện trên phê phán điều gì? Từ đó em rút ra cho mình bài học gì?

Câu 6. Trình bày suy nghĩ của em về thói nói khoác bằng một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ.

DẠNG 2: VIẾT

Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên có tác động đến đời sống của con người mà em quan tâm.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Em nên làm gì để thực hiện chi tiêu gia đình phù hợp trước ảnh hưởng của tiếp thị, quảng cáo?

- A. Xem xét các chính sách của sản phẩm và chính sách khuyến mại.
- B. Tài các ứng dụng mua sắm trực tuyến để thoải mái lựa chọn các mặt hàng.
- C. Mua sắm theo các quảng cáo, bài đánh giá trên mạng.
- D. Xem các quảng cáo để có sự lựa chọn theo mẫu ưng ý.

Câu 2. Biểu hiện của sự tự chủ trong học tập và cuộc sống là

- A. chủ động, tự giác thực hiện nhiệm vụ không để ai nhắc nhở.
- B. quyết định thực hiện mọi công việc mà không cần cân nhắc.
- C. luôn luôn tự cao tự đại về bản thân.
- D. luôn hứa hẹn với bạn bè dù không biết có thực hiện được không.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là sự tự chủ trong các mối quan hệ trên mạng xã hội?

- A. Bình luận và trả lời bình luận theo hướng tích cực.
- B. Chủ động xác minh thông tin trước khi chia sẻ.
- C. Từ chối những lời mời kết bạn không đáng tin cậy của người lạ.
- D. Tham gia các hội nhóm theo sự giới thiệu của bạn bè mà không có sự chọn lọc.

Câu 4. Tại sao phải sống có trách nhiệm?

- A. Làm cho bản thân sống có ích hơn.
- B. Làm cho bản thân thấy mình nổi tiếng hơn.
- C. Làm cho bản thân học giỏi hơn.
- D. Làm cho bản thân có được nhiều lời khen từ mọi người.

Câu 5. Bạn học sinh nào có trách nhiệm với gia đình?

- A. H kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.
- B. T luôn ích kỉ, bắt các thành viên trong gia đình chiều theo ý mình.
- C. M luôn bắt em làm các công việc nhà để mình được đi chơi.
- D. Q không chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với các thành viên trong gia đình.

Câu 6. Tình huống nào thể hiện người sống **không** có trách nhiệm với bản thân và mọi người?

- A. N luôn tắt điện trước khi ra khỏi phòng.
- B. A nghiêm túc thực hiện nội quy của trường, lớp.
- C. L xả rác bừa bãi nơi công cộng.
- D. M luôn đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy cùng ba mẹ.

Câu 7. Điều **không** phải là biểu hiện của người có trách nhiệm tham gia vào lao động trong gia đình?

- A. Lập danh sách và thực hiện các công việc cần làm.
- B. Tự giác hoàn thành công việc của bản thân.
- C. Chủ động giúp đỡ người thân trong trường hợp cần thiết.
- D. Ý lại người thân hoàn thành phần công việc mình được giao.

Câu 8. Điều là biểu hiện của người thiếu trách nhiệm với bản thân?

- A. Nỗ lực đạt được mục tiêu, điều mình mong muốn.
- B. Có niềm tin vào bản thân, khả năng của bản thân.
- C. Sống và làm việc một cách tùy hứng.
- D. Làm việc có ích cho bản thân ở hiện tại và tương lai.

Câu 9. Vai trò của kỹ năng từ chối là gì?

- A. Bảo vệ bản thân khỏi những tình huống xấu.
- B. Nâng cao giá trị bản thân.
- C. Được nhiều người ngưỡng mộ.
- D. Giảm bớt sự va chạm, mâu thuẫn.

Câu 10: Các trường hợp mua hàng qua các kênh quảng cáo, tiếp thị trực tuyến xảy ra rủi ro gì?

- A. Dễ nhầm lẫn khi thanh toán.
- B. Sản phẩm không giống với ảnh mẫu, hoặc mô tả.
- C. Sản phẩm mất rất nhiều thời gian đến tay người mua.
- D. Người mua không nhận được sự tư vấn tận tình như khi mua ở cửa hàng.

Câu 11: Đây là tình huống cần sử dụng kỹ năng từ chối?

- A. Bạn bè rủ bạn sau giờ học tập trung ở sân bóng để chơi bóng đá.
- B. Mẹ nhờ bạn làm việc nhà phụ giúp mẹ khi bạn đang có thời gian rảnh.
- C. Người lạ mặt muốn làm quen, kết bạn trên mạng xã hội.
- D. A rủ B cùng tham gia câu lạc bộ vẽ của trường.

Câu 12: Bạn bè gửi cho nhau một đường link có chứa những nội dung xấu, độc hại và bảo em mở ra xem, em sẽ làm gì trong tình huống này?

- A. Chia sẻ đường link liên kết đó với các bạn khác và cùng thảo luận, bàn tán về các nội dung đó.
- B. Em từ chối xem các nội dung có trong link và khuyên các bạn không nên lan truyền các thông tin này.
- C. Lên tiếng răn đe, cảnh báo các bạn sẽ nói ngay với thầy cô về việc các bạn đang làm nếu các bạn không làm theo ý mình.
- D. Nhanh chóng ghi lại hành vi rồi đăng lên trang cá nhân để cảnh cáo các bạn và mọi người.

Câu 13: Theo em, quảng cáo là gì?

- A. Là một hoạt động truyền thông trong đó công ty phải đưa sản phẩm, thương hiệu của mình đến với người tiêu dùng nhằm tăng mức độ phủ sóng của sản phẩm.
- B. Là một hoạt động kinh doanh trong đó công ty phải trả tiền để đưa sản phẩm, thương hiệu của mình đến với người tiêu dùng nhằm tăng mức tiêu thụ hàng hóa.
- C. Là một hoạt động quảng bá của công ty nhằm tăng mức tiêu thụ hàng hóa.
- D. Là một hoạt động tuyên truyền của công ty để đưa sản phẩm, thương hiệu của mình đến với người tiêu dùng.

Câu 14: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Tiếp thị là một phần trong chiến lược quảng cáo sản phẩm.
- B. Tiếp thị cũng giống như quảng cáo đều nhằm nâng cao doanh số bán sản phẩm.
- C. Tiếp thị là quá trình phát hiện nhu cầu về hàng hóa của người dùng và đáp ứng yêu cầu đó.
- D. Tiếp thị là quá trình cuối cùng của quảng cáo nhằm đem sản phẩm đến với tay người dùng.

Câu 15: Quảng cáo, tiếp thị có ảnh hưởng như thế nào đối với khách hàng?

- A. Đưa ra hình ảnh mang tính chất biểu tượng cho công ty.
- B. Thuyết phục khách hàng đó là sản phẩm ưu việt, đáng để trả tiền.
- C. Tạo ra sự khác biệt giữa các sản phẩm của công ty.
- D. Đem lại lợi nhuận cho các bên cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị.

Câu 16: Loại hình quảng cáo nào em thường thấy nhất khi sử dụng các thiết bị điện tử?

- A. Quảng cáo truyền thống
- B. Quảng cáo bán lẻ
- C. Quảng cáo ngoài trời
- D. Quảng cáo trực tuyến

Câu 17: Em tán thành với ý kiến nào dưới đây?

- A. Người tự chủ luôn hành động theo suy nghĩ, ý thích của mình.
- B. Người tự chủ luôn cho mình là đúng, không quan tâm đến ý kiến của mọi người.
- C. Người tự chủ luôn có cái tôi lớn, không chịu lắng nghe người khác.
- D. Người tự chủ có thể kiềm chế được những ham muốn của bản thân.

Câu 18: Theo em, tự chủ là gì?

- A. Tự điều chỉnh cảm xúc, xuất phát từ bản thân mà không chịu sự chi phối, tác động của các yếu tố khác.
- B. Tự điều chỉnh suy nghĩ mà không chịu sự chi phối, tác động của các yếu tố khác.
- C. Tự điều chỉnh hành vi, không chịu sự chi phối, tác động của các yếu tố khác.
- D. Tự điều chỉnh hành vi, suy nghĩ, xuất phát từ bản thân mà không chịu sự chi phối, tác động của các yếu tố khác.

Câu 19: Đây là cách để rèn luyện tính tự chủ?

- A. Coi trọng ý kiến cá nhân trong các cuộc tranh luận
- B. Bộc lộ rõ sự thẳng thắn, cương trực khi gặp các tình huống bất bình.
- C. Lập tức đưa ra phán đoán không cần cân nhắc những góp ý.
- D. Giữ bình tĩnh, tự tin để giải quyết vấn đề trong mọi hoàn cảnh.

Câu 20: Nên làm gì để thực hiện chi tiêu phù hợp trước ảnh hưởng của tiếp thị, quảng cáo?

- A. Xem nhiều quảng cáo trên mạng.
- B. Tải các ứng dụng mua sắm trực tuyến.
- C. Mua sắm theo những quảng cáo trên mạng.
- D. Tham khảo những chia sẻ và trải nghiệm của người khác.

Câu 21: Theo em như thế nào được coi là người tiêu dùng thông thái?

- A. Là người mua và sử dụng các sản phẩm theo phong trào.
- B. Là người mua và sử dụng các sản phẩm theo sự tư vấn của mọi người và không quan tâm đến sự thiết yếu của sản phẩm.
- C. Là người mua và sử dụng các sản phẩm theo đúng sở thích, mong muốn của bản thân.
- D. Là người mua và sử dụng các sản phẩm đúng mục đích, nhu cầu, yêu cầu không gây ra tình trạng lãng phí.

Câu 22: Vai trò của tính tự chủ là?

- A. Đánh giá được năng lực của bản thân
- B. Nâng cao vị thế của mình
- C. Thể hiện cái tôi trước mọi người
- D. Thể hiện cá tính, chất riêng của mình

II. PHẢN TỰ LUẬN

Câu 23

a) Xử lý tình huống và thực hiện kỹ năng từ chối trong trường hợp sau: "*Các bạn trong nhóm rủ My sau khi tan học sẽ đến nhà Lan dự sinh nhật. Nhưng mẹ của My dặn nhớ về sớm còn vào bệnh viện thăm bà.*"

b) Xử lý tình huống và thực hành kỹ năng ra quyết định chi tiêu phù hợp trước ảnh hưởng của tiếp thị, quảng cáo trong tình huống sau đây: "*Mai đang tìm mua quà trên mạng để chuẩn bị sinh nhật cho bạn thân. Bạn của Mai thích một chiếc áo sơ mi. Mai đã chọn được một chiếc áo sơ mi khá đẹp, đang giảm giá 30%. Tuy nhiên, Mai đang phân vân vì nếu mua thêm chiếc chân váy thì sẽ được giảm 50%.*"

Câu 24. Nêu biểu hiện của người sống có trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh.

Câu 25

a) Chia sẻ về các hình thức tiếp thị, quảng cáo mà em biết.

b) Chia sẻ về ảnh hưởng của tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu của nhân vật trong tình huống sau: "*Hà muốn mua một chiếc áo khoác mới vì áo cũ đã rách. Mở trang cá nhân trên mạng xã hội. Hà thấy nhiều hình ảnh quảng cáo áo khoác, trong đó có mấy cái trông khá bắt mắt và đang giảm giá đến 50%, Hà vội vàng đăng kí thông tin mua hàng để được tư vấn. Một lát sau, nhân viên bán hàng gọi điện đến giới thiệu với Hà về màu sắc, chất liệu và kích thước của một số mẫu áo khoác. Cuối cùng, Hà quyết định chọn một chiếc áo mà nhân viên bán hàng nói là mẫu mới nhất của năm nay. Sau một ngày hồi hộp chờ đợi, Hà đã nhận được hàng. Tuy nhiên chiếc áo lại không giống như quảng cáo và lời giới thiệu của nhân viên tiếp thị khiến Hà vừa thất vọng, vừa tiếc tiền vì không thể đổi trả được.*"